

KHUYẾN NGHỊ	MUA	CTCP ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2 (HSX: NT2) VƯỢT VŨ MÔN		
Giá hiện tại:	20,000	Ngày viết báo cáo:	23/12/2024	Cổ đông lớn
Giá mục tiêu trước:	-	Cổ phiếu lưu hành (triệu)	287.9	Tổng Công ty Điện lực Dầu
Giá mục tiêu mới:	25,000	Vốn hóa (tỷ VND)	5,671	khí Việt Nam – CTCP
Lợi suất cổ tức:	7.6%	KLGD TB 10 phiên (CP):	281,650	Công ty TNHH Phát triển
Upside:	33%	% Sở hữu nước ngoài:	13.4%	Công nghệ

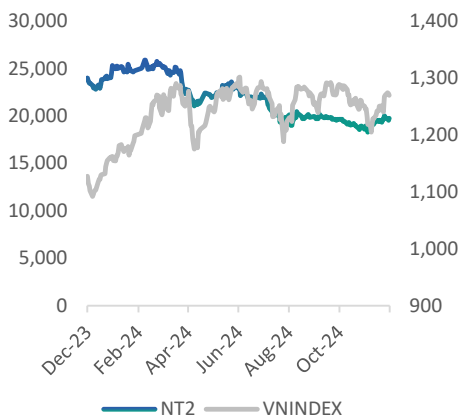
Research Department:

Nguyen Dan Truong
(Dầu khí – Điện – Hóa chất)
truongnd@bsc.com.vn

QUAN ĐIỂM ĐỊNH GIÁ

Chúng tôi khuyến nghị **MUA** với cổ phiếu NT2, giá mục tiêu cho năm 2025 là **25,000 VND/CP tương đương upside 33%** (so với giá đóng cửa ngày 23/12/2024, bao gồm tỷ suất cổ tức 7.6%) với phương pháp hệ số nhân, EV/EBITDA mục tiêu là 6.1x (tương đương trung bình 2019 – Q3/2024) và EBITDA 2025 dự báo đạt 1,210 tỷ VND (+38% YoY).

Bảng so sánh giá CP và VN-Index



LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

- Kỳ vọng các nhà máy nhiệt điện được tăng cường huy động do a) phụ tải tăng nhanh hơn công suất lắp đặt và b) dự báo sản lượng thủy điện giảm -8% YoY.
- Nhà máy Nhơn Trạch 2 có thêm nguồn cung khí sau khi BOT Phú Mỹ 2.2 bàn giao lại cho EVN, sản lượng điện của nhà máy có thể tăng 19% YoY.
- Tỷ suất cổ tức 7.6%, tương đương với tiền gửi tiết kiệm 12 tháng tại các ngân hàng.

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2024, doanh thu dự báo đạt 6,051 tỷ VND, giảm -5% YoY với sản lượng điện thương phẩm đạt 2,7 tỷ kwh (-6% YoY). Trong năm, các nhà máy nhiệt điện giảm huy động do nhóm thủy điện có lưu lượng nước về nhà máy tốt hơn với ảnh hưởng của La nina.

Biên lợi nhuận gộp đạt 4.3%, giảm 3.6 điểm % so với năm 2023, nhà máy hoạt động với hiệu suất thấp, ở mức 42% (giảm 3 điểm %).

Lợi nhuận thuần đạt 274 tỷ VND (-45% YoY) và EBITDA đạt 868 tỷ VND (-24% YoY).

Năm 2025, doanh thu đạt 7,430 tỷ VND, tăng +23% YoY với sản lượng điện thương phẩm đạt 3,2 tỷ kwh (+19% YoY). Nhà máy được bổ sung nguồn cung khí khi các nhà máy điện khí BOT 2.2 được bàn giao lại cho EVN, hiệu suất đạt mức 50% (tăng 8 điểm %).

Lợi nhuận thuần đạt 478 tỷ VND (+75% YoY) và EBITDA đạt 1,203 tỷ VND (+38% YoY).

RỦI RO

- Rủi ro thiếu khí đột ngột sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của nhà máy.
- Nền kinh tế phục hồi chậm dẫn đến sản lượng huy động thấp hơn dự kiến.

CẬP NHẬP KẾT QUẢ KINH DOANH

Trong Q3.2024, doanh thu và lợi nhuận thuần lần lượt đạt 1,712 tỷ VND (+110% YoY) và 45 tỷ VND (cùng kỳ lỗ). 9T2023, doanh thu và lợi nhuận thuần đạt 4,160 tỷ VND (-20% YoY) và 8 tỷ VND (-97% YoY), tương ứng 54% kế hoạch doanh thu và 1.7% kế hoạch lợi nhuận sau thuế.

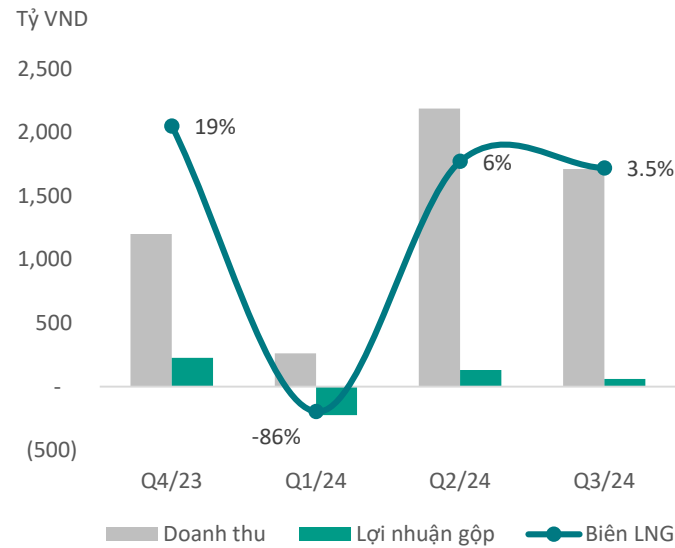
	2022	2023	2024F	2025F		2022	2023	2024F	2025F
PE (x)	8.4	15.0	21.0	12.0	Doanh thu thuần	8,788	6,383	6,051	7,430
PB (x)	1.6	1.7	1.2	1.1	Lợi nhuận gộp	1,082	509	262	610
P/S (x)	0.8	1.2	0.9	0.8	LNST-CĐTS	883	496	274	478
ROE (%)	20%	11%	6%	10%	EPS	3,069	1,723	951	1,661
ROA (%)	13%	6%	3%	5%	% Tăng trưởng EPS	65%	-44%	-45%	75%

I. CẬP NHẬT KQKD 3Q2024:

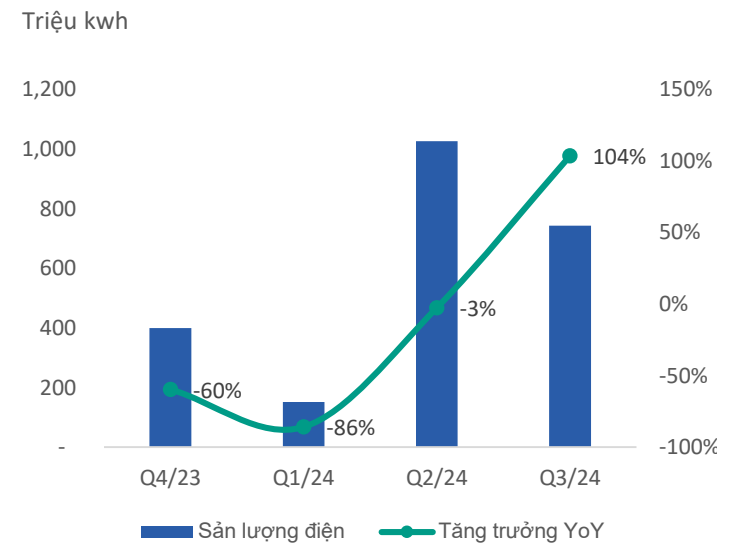
(Tỷ VND)	Q3.2024	% YoY	9T2024	% YoY	Nhận xét
Sản lượng điện (triệu kwh)	743	104%	1,921	-23%	<p>Trong Q3/2024:</p> <p>Doanh thu đạt 1,712 tỷ VND (+110% YoY) với sản lượng điện tăng 104% YoY do trong tháng 8 và tháng 9 năm 2023, nhà máy đang trong giao đoạn đại tu.</p> <p>Biên gộp đạt 3.5%, cùng kỳ đạt mức âm -16.2% do thực hiện đại tu.</p> <p>Doanh thu tài chính đạt 27 tỷ VND, giảm -23% YoY với môi trường lãi suất hạ nhiệt.</p> <p>Dẫn đến LNST-CĐTS đạt 45 tỷ VND (cùng kỳ lỗ -124 tỷ VND).</p> <p>Tính chung 9T2024, doanh thu và LNST-CĐTS lần lượt đạt 4,160 tỷ VND (-20% YoY) và 8 tỷ VND (-97% YoY).</p>
Giá trung bình (VND/kwh)	2,304	3%	2,166	4%	
Doanh thu thuần	1,712	110%	4,160	-20%	
-Điện	1,712	110%	4,160	-20%	
-Tỷ giá	-	-	-	-	
Lãi gộp	60	-145%	(36)	-113%	
Doanh thu tài chính	27	-23%	65	-13%	
Chi phí tài chính	12	14%	29	28%	
-Lãi vay	11	7%	25	12%	
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	
Chi phí QLDN	25	52%	58	7%	
Lãi từ HĐKD	50	NA	(58)	-121%	
Lãi/(lỗ) từ Khác	1	-	72	-	
LNTT	51	NA	14	-95%	
Thuế	6	-	6	-76%	
LNST	45	NA	8	-97%	
CĐTS	-	-	-	-	
LNST_CĐTS	45	NA	8	-97%	
		Thay đổi		Thay đổi	
Biên lợi nhuận gộp	3.5%	20%	-0.9%	-1%	
Tỷ lệ SGA/DT	1.5%	-0.6%	1.4%	1%	

Nguồn: NT2, BSC Research

Biên lợi nhuận gộp vẫn đang duy trì mức thấp (thông thường đạt 8-10%)



Sản lượng điện trong quý 3 phục hồi trở lại do cùng kỳ nhà máy thực hiện tại tu, tuy nhiên vẫn thấp hơn 17% so với mức thông thường



Nguồn: NT2, BSC Research

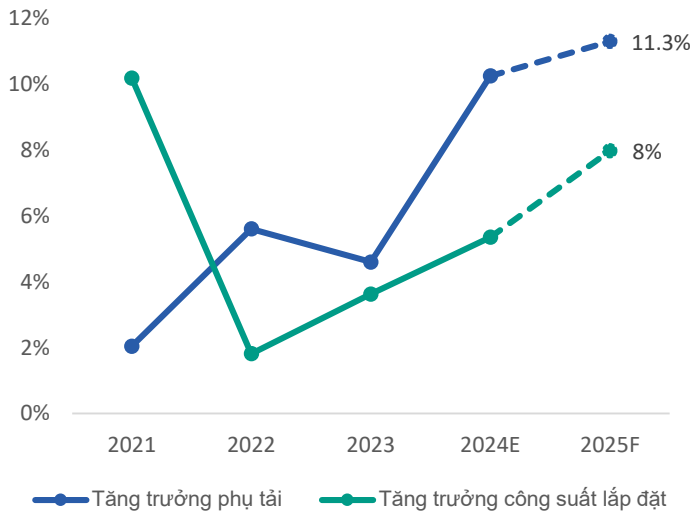
II. Luận điểm đầu tư

1. Trong năm 2025, BSC kỳ vọng các nhà máy nhiệt điện được tăng cường huy động

Trong năm 2025, BSC kỳ vọng các nhà máy nhiệt điện (than và khí) sẽ được tăng cường huy động nhờ:

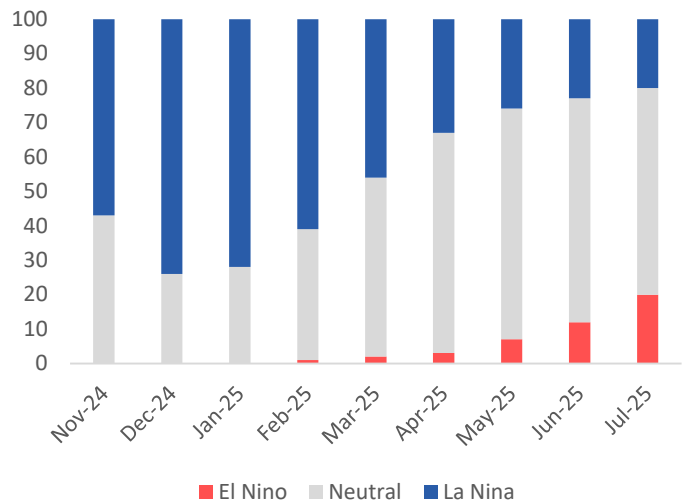
- Hệ thống điện vẫn gặp nhiều áp lực trong năm 2025 khi phụ tải dự kiến tăng trưởng 11% YoY trong khi công suất lắp đặt chỉ tăng 8% YoY (theo kế hoạch vận hành thị trường điện của Bộ Công Thương). Tham khảo [dự báo trước](#), Bộ Công Thương cho rằng phụ tải năm 2024 tăng trưởng 9%, tuy nhiên, thực tế tăng trưởng hơn 10%.
- Các nguồn điện khác: Thủy điện có thể giảm khoảng 7,000 Mwh (-8% YoY) do xác suất la Nina được dự báo sẽ giảm dần chuyển sang pha trung tính (theo NOAA). Bên cạnh đó, sản lượng nhóm năng lượng tái tạo (điện gió và điện mặt trời) dự kiến chỉ tăng 10% YoY (không tăng đột ngột +185% YoY/19% YoY như năm 2021/2022 – làm giảm tỷ trọng huy động của loại hình khác).

Hệ thống điện vẫn tiếp tục căng thẳng trong năm 2025



Nguồn: Bộ Công Thương, BSC Research ước tính

Nhiệt điện sẽ đóng vai trò quan trọng trong năm 2025



Nguồn: NOAA

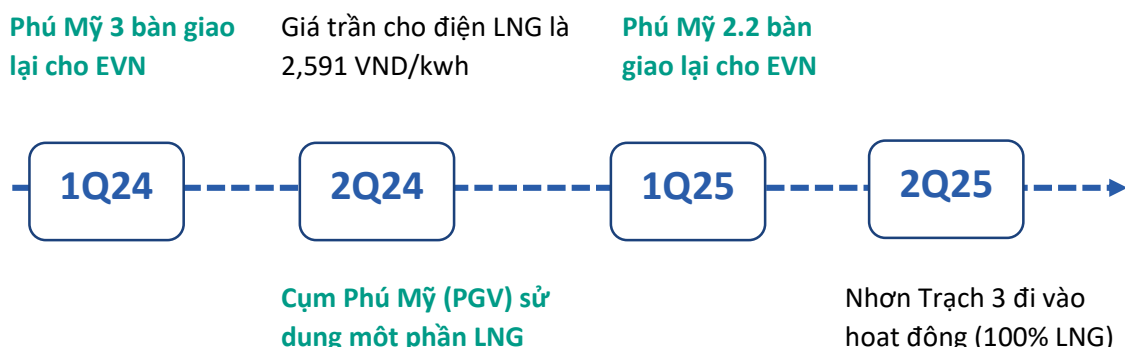
2. Chúng tôi dự báo lợi nhuận của nhà máy Nhơn Trạch 2 tăng 75% trong năm 2025 nhờ kỳ vọng có thêm nguồn cung khí.

Trong năm 2025, chúng tôi kỳ vọng sản lượng điện của NT2 đạt mức 3,2 tỷ kwh (tăng 19% YoY) – tiệm cận mức bình thường 3.5 tỷ kwh/năm và dự báo lợi nhuận của nhà máy điện khí Nhơn Trạch 2 tăng trưởng 75% YoY nhờ:

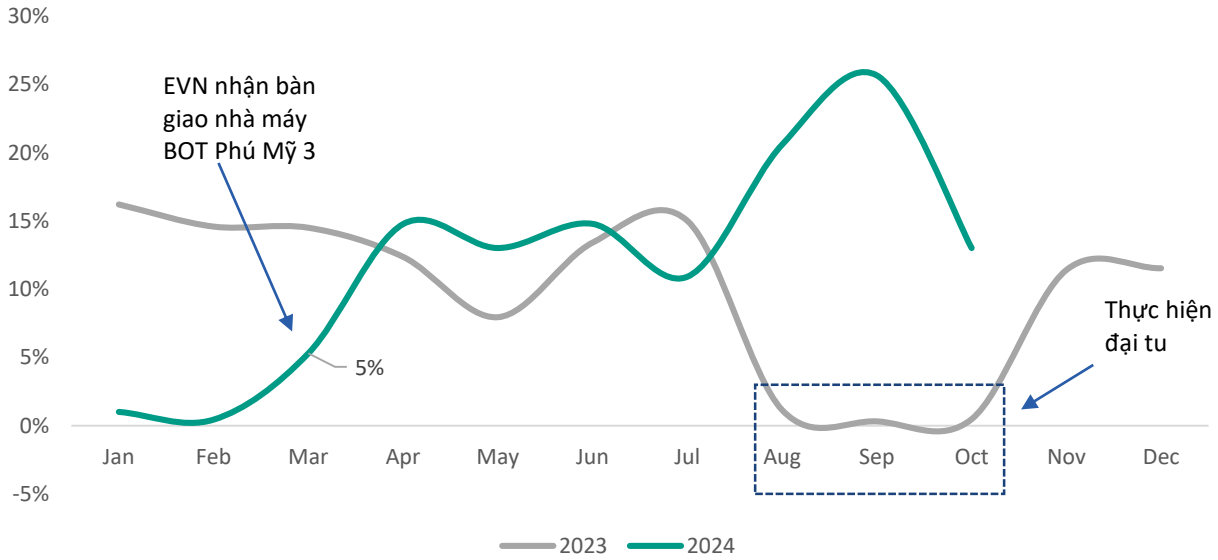
- Tháng 2/2025, EVN nhận bàn giao nhà máy điện khí BOT Phú Mỹ 2.2 trong tháng 2/2025, đồng thời, hợp đồng mua bán khí của nhà máy này với GAS cũng kết thúc. Theo chia sẻ từ POW, nhà máy này có kế hoạch tạm dừng hoạt động hoặc hoạt động với nhiên liệu nhập khẩu LNG. Các nhà máy điện khí cụm Phú Mỹ và Nhơn Trạch 2 sẽ tiếp nhận thêm nguồn cung khí này.
- NT2 được ưu tiên sử dụng khí so với các nhà máy điện khí khác nhờ hiệu suất tối ưu nhất trong các nhà máy.

Ngoài ra, trong năm 2024, BSC nhận thấy khi nhà máy Phú Mỹ 3 bàn giao lại cho EVN từ tháng 3/2024, tỷ trọng sản lượng điện NT2 trong hệ thống điện khí tăng từ mức 5% lên mức 13% trong tháng 4, đạt đỉnh ở 26% trong tháng 9.

Nhà máy điện khí trong nước sẽ tiếp nhận phần khí của nhà máy BOT



NT2 được ưu tiên nguồn khí với tỷ trọng sản lượng điện của NT2 trong hệ thống điện khí tiếp tục gia tăng



Nguồn: EVN, NT2, BSC Research tổng hợp

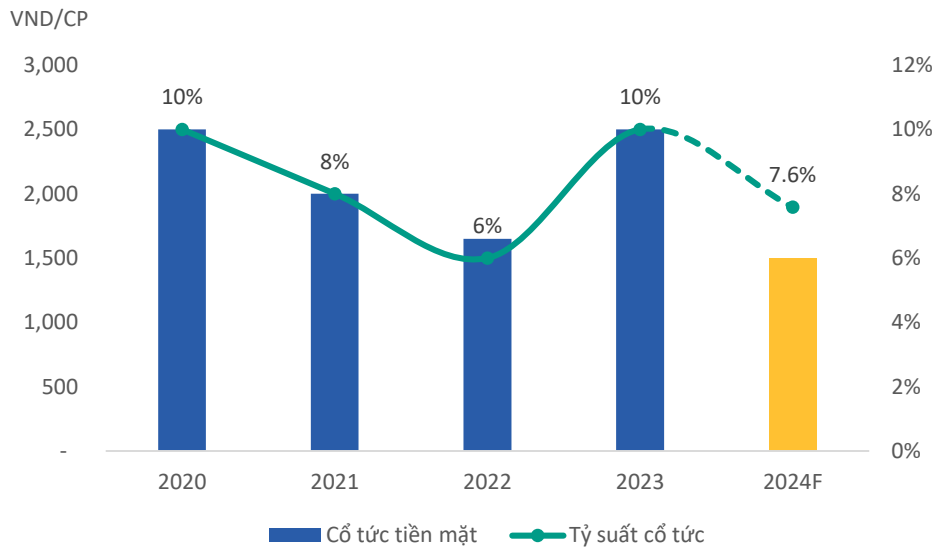
Tầm nhìn đến năm 2026, lượng khí ở khu vực Đông Nam Bộ cũng như nguồn khí cho NT2 sẽ tiếp tục xuống suy giảm và nhà máy buộc phải sử dụng thêm LNG (giá cao hơn khí nội địa hiện tại 20-25%). Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng EVN vẫn sẽ huy động NT2 đều đặn vì 1) tình trạng phụ tải tăng trưởng nhanh hơn công suất lắp đặt vẫn sẽ tiếp tục duy trì và 2) EVN được tăng giá bán điện. Ngoài ra, chi phí nhiên liệu cũng được chuyển sang giá điện, do đó lợi nhuận của nhà máy vẫn sẽ được duy trì ổn định khi sản lượng điện được đảm bảo.

3. Tỷ suất cổ tức hấp dẫn 7.6%.

Từ năm 2016 đến nay, NT2 luôn chia cổ tức tiền mặt đều đặn với tỷ lệ 15% đến 25% trên vốn điều lệ, đem lại tỷ suất cổ tức khá hấp dẫn 6% -10%/năm. Ngay cả trong năm 2024, công ty không được huy động nhiều nhưng vẫn chia cổ tức tỷ lệ 15%.

BSC kỳ vọng năm 2025 công ty sẽ tiếp tục duy trì cổ tức tối thiểu 15% trên vốn điều lệ (tỷ suất cổ tức 7.6% - tương đương với tiền gửi ngân hàng) nhờ 1) dòng tiền hoạt động kinh doanh đều đặn (1,000 – 1,200 tỷ VND/năm), nhà máy được ưu tiên huy động, 2) công ty không có kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh.

Tại mức giá 20,000 VND, tỷ suất cổ tức đạt 7.6%



Nguồn: Fiinpro, BSC Research ước tính

III. DỰ PHÓNG KQKD 2024/2025

(Tỷ VND)	9T2024	2024F	%YoY	2025F	%YoY
Sản lượng điện (triệu kwh)	1,921	2,711	-6%	3,227	19%
Giá trung bình (tỷ VND)	2,166	2,232	1.2%	2,302	3.1%
Doanh thu thuần	4,160	6,051	-5%	7,430	23%
Lãi gộp	(36)	262	-48%	610	133%
Doanh thu TC	65	84	-21%	116	37%
Chi phí TC	29	39	-216%	39	0%
-Lãi vay	25	39	-216%	39	0%
Chi phí QLDN	58	75	-267%	89	18%
Lãi từ HĐKD	(58)	232	-57%	854	268%
Lãi/(lỗ) từ LDLK	72	0		0	
LNTT	14	302	-44%	598	98%
LNST	8	274	-45%	478	75%
LNST_CĐT	8	274	-45%	478	75%
			Thay đổi		Thay đổi
Biên gộp	-0.9%	4.3%	-3.6%	8.1%	3.7%
Tỷ lệ SGA/DT	1.4%	1.2%	0.5%	1.2%	0%

Nguồn: NT2, BSC Research.

Năm 2024, doanh thu dự báo đạt 6,051 tỷ VND, giảm -5% YoY với sản lượng điện thương phẩm đạt 2,7 tỷ kwh (-6% YoY), nguồn cung khí kỳ vọng đạt 511 triệu m3 (-6% YoY). Trong năm, các nhà máy nhiệt điện giảm huy động do nhóm thủy điện có lưu lượng nước về nhà máy tốt hơn với ảnh hưởng của La nina.

Biên lợi nhuận gộp đạt 4.3%, giảm 3.6 điểm % so với năm 2023, nhà máy hoạt động với hiệu suất thấp, ở mức 42% (giảm 3 điểm %).

LNST_CĐT đạt 274 tỷ VND (-45% YoY) và EBITDA đạt 868 tỷ VND (-24% YoY).

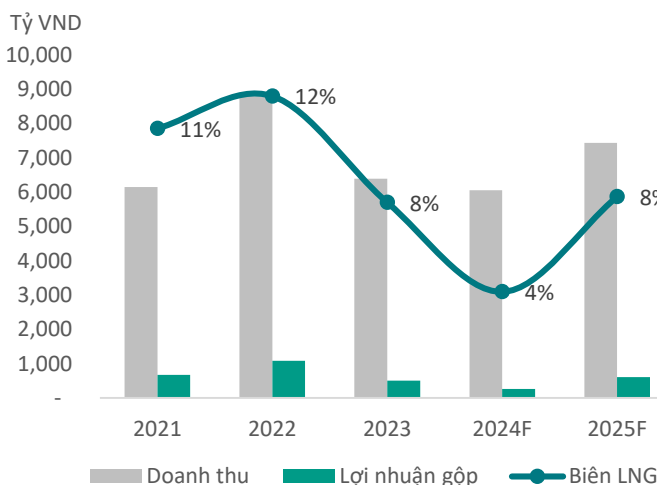
Năm 2025, BSC dự báo doanh thu đạt 7,430 tỷ VND, tăng +23% YoY với sản lượng điện thương phẩm đạt 3,2 tỷ kwh (+19% YoY), nguồn cung khí kỳ vọng đạt 608 triệu m3 (+19% YoY), thông thường ở mức 650 triệu m3/năm. Nhà máy được bổ sung nguồn cung nhiên liệu khi nhà máy điện khí BOT 2.2 được bàn giao lại cho EVN.

Biên lợi nhuận gộp đạt 8.1%, tăng 3.7 điểm % so với năm 2024 nhờ nhà máy nâng cao hiệu suất hoạt động, ở mức 50% (tăng 8 điểm %).

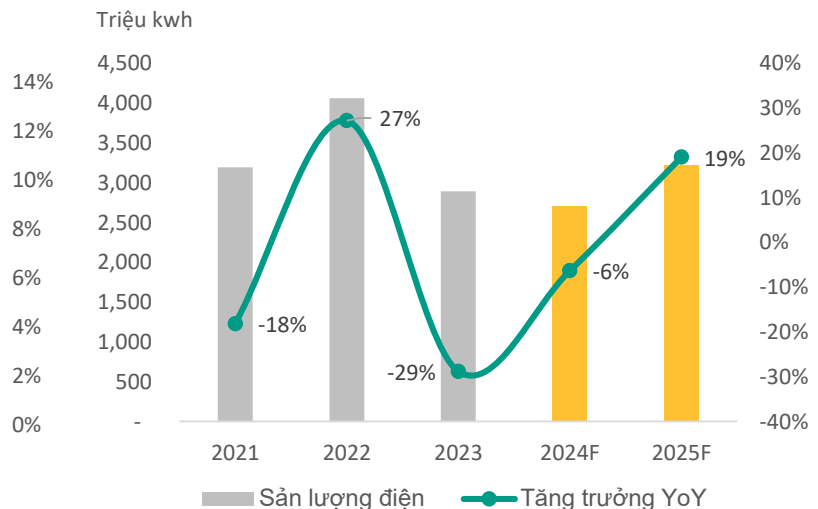
LNST_CĐT đạt 478 tỷ VND (+75% YoY) và EBITDA đạt 1,203 tỷ VND (+38% YoY).

Nhà máy cải thiện sản lượng, biên gộp 2025 kỳ vọng phục hồi về mức 8.1%

Sản lượng điện năm 2025 kỳ vọng tăng trưởng 19% YoY



(Biên lợi nhuận gộp đã loại trừ doanh thu tỷ giá)



Nguồn: NT2, BSC Research

IV. RỦI RO

Rủi ro kinh tế phục hồi chậm dẫn đến sản lượng điện huy động thấp hơn dự báo.

Rủi ro thiếu khí đột ngột. Trong những trường hợp nguồn cung khí bị gián đoạn đột ngột, nhà máy Nhơn Trạch 2 phải sử dụng dầu DO để đáp ứng yêu cầu của trung tâm điều độ. Khi sử dụng dầu DO, nhà máy chỉ được thanh toán chi phí nhiên liệu, không được thanh toán các chi phí cố định khác (khấu hao, nhân viên, ...), do đó, sẽ làm giảm biên lợi nhuận gộp.

V. ĐỊNH GIÁ

Chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu NT2 với giá mục tiêu **25,000 VND/CP**, (tiềm năng tăng giá **33%** so với giá ngày 23/12/2024, đã bao gồm tỷ suất cổ tức 7.6%).

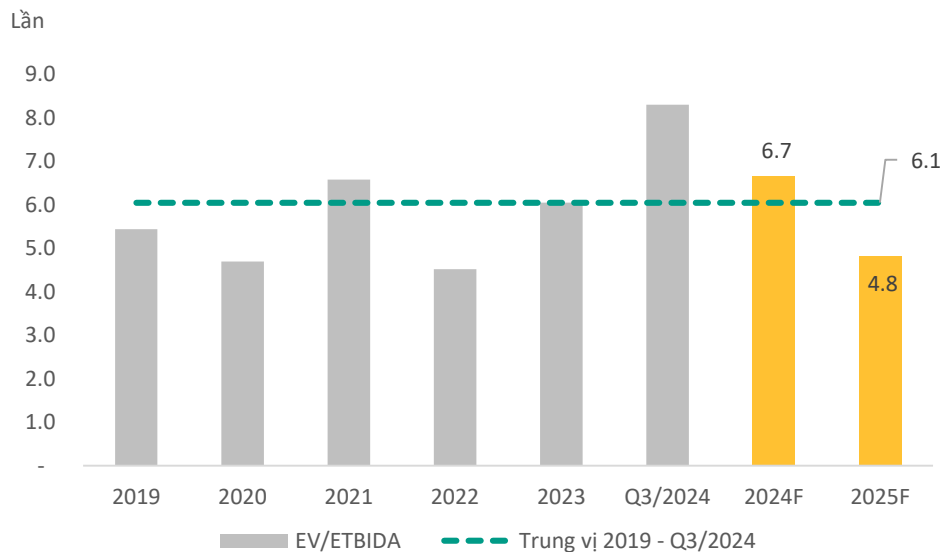
Sử dụng phương pháp hệ số nhân EV/EBITDA, mức EV/EBITDA mục tiêu là 6.1 lần (tương đương với trung bình 2019 – Q3/2024) và EBITDA năm 2025 là 1,210 tỷ VND.

Bảng định giá NT2

Phương pháp EV/EBITDA	Giá trị
EBITDA 2025	1,210 tỷ VND
EV/EBITDA mục tiêu	6.1 lần
Giá trị hợp lý theo phương pháp EV/EBITDA	25,000 VND/CP
Giá cổ phiếu hiện tại	20,000 VND/CP
Upside (gồm tỷ suất cổ tức 7.6%)	33%

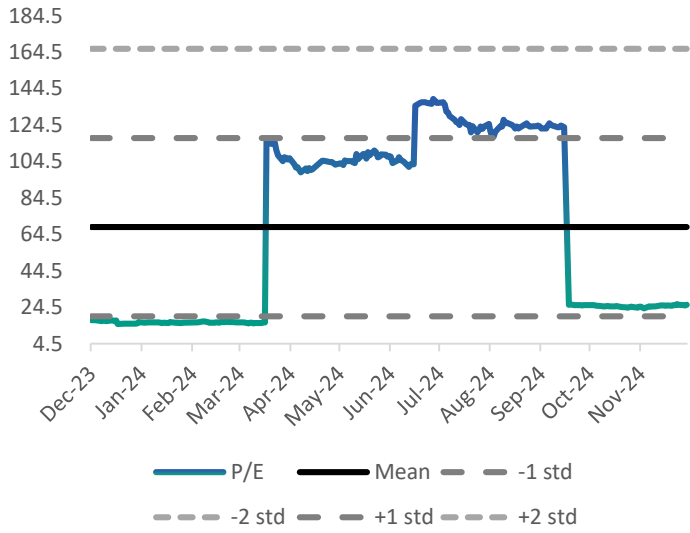
Nguồn: BSC Research

EV/EBITDA 2025 của NT2 đang giao dịch ở mức hấp dẫn

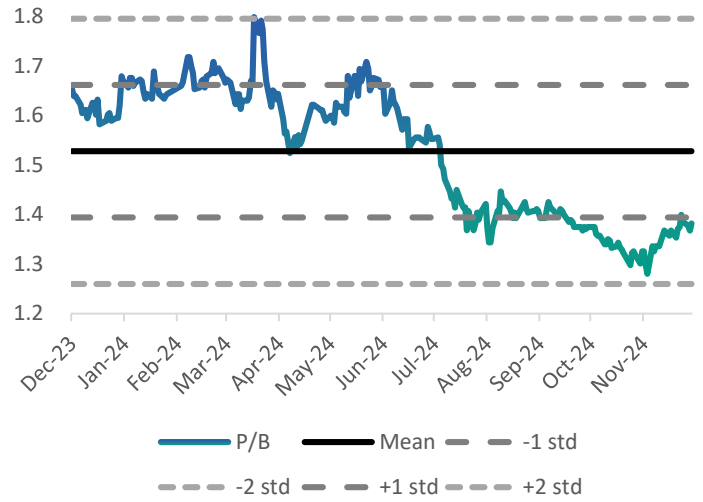


Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Stock PE



Stock P/B



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

PHỤ LỤC

KQKD (tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024F	2025F
Doanh thu	6,150	8,788	6,383	6,051	7,430
Giá vốn hàng bán	5,474	7,706	5,874	5,789	6,820
Lợi nhuận gộp	676	1,082	509	262	610
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-
Chi phí QLDN	83	131	45	75	89
Lãi/lỗ HDKD	593	950	464	187	522
Doanh thu tài chính	18	24	107	84	116
Chi phí tài chính	52	18	34	39	39
Chi phí lãi vay	20	15	34	39	39
Lợi nhuận từ CTLĐ/LK	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ khác	7	(14)	-	70	-
LN trước thuế	566	943	537	302	598
Thuế thu nhập DN	32	60	41	28	120
LN sau thuế	534	883	496	274	478
CĐTS	-	-	-	-	-
LNST-CĐTS	534	883	496	274	478
EBITDA	1,283	1,639	1,151	875	1,210
EPS	1,854	3,069	1,723	951	1,661

LCTT (tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024F	2025F
(lỗ)/LNST	534	883	496	274	478
Khấu hao và phân bổ	690	689	687	688	688
Thay đổi vốn lưu động	100	(646)	1,322	108	(279)
Điều chỉnh khác	(251)	458	(1,648)	-	-
LCTT từ HĐ KD	1,074	1,383	857	1,070	887
Tiền chi mua TSCĐ	(3)	(1)	(3)	-	-
Đầu tư khác	11	(945)	(1,087)	-	-
LCTT từ HĐ đầu tư	9	(946)	(1,090)	0	0
Tiền chi trả cổ tức	(575)	(474)	(719)	-	-
Tiền từ vay ròng	(568)	421	569	-	-
Tiền thu khác	-	-	-	-	-
LCTT từ HĐ tài chính	(1,143)	(54)	(150)	-	-
Dòng tiền đầu kỳ	(61)	383	(383)	1	1,071
Tiền trong kỳ	62	1	384	1,070	887
Dòng tiền cuối kỳ	1	384	1	1,071	1,958

CĐKT (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024F	2025F
Tài sản ngắn hạn	2,581	4,557	4,791	5,755	7,199
Tiền & Tương đương tiền	1	384	1	1,071	1,958
Đầu tư ngắn hạn	0	949	2,100	2,100	2,100
Phải thu ngắn hạn	2,230	2,911	2,346	2,214	2,623
Hàng tồn kho	311	307	260	261	409
TS ngắn hạn khác	38	5	83	109	109
Tài sản dài hạn	4,043	2,888	3,680	2,966	2,278
Tài sản hữu hình	3,496	2,809	2,125	1,411	723
Tài sản dở dang dài hạn	1	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	546	79	1,555	1,555	1,555
Tổng Tài sản	6,624	7,445	8,471	8,721	9,477
Tổng nợ ngắn hạn	2,390	2,831	4,112	4,088	4,366
Nợ phải trả	1,034	770	1,680	1,656	1,933
Vay ngắn hạn	210	631	1,200	1,200	1,200
Nợ ngắn hạn khác	1,147	1,431	1,233	1,233	1,233
Tổng nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	-	-	-	-
Nợ dài hạn khác	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	2,390	2,831	4,112	4,088	4,366
Vốn góp	2,879	2,879	2,879	2,879	2,879
Thặng dư vốn cổ phần	(0)	(0)	(0)	(0)	(0)
LN chưa phân phối	1,196	1,554	1,254	1,528	2,006
Vốn chủ khác	160	182	226	226	226
Cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng vốn chủ sở hữu	4,234	4,614	4,359	4,632	5,111
Tổng nguồn vốn	6,624	7,445	8,471	8,721	9,477
SLCP (triệu)	288	288	288	288	288

Chỉ số (%)	2021	2022	2023	2024F	2025F
Khả năng thanh toán					
Hệ số TT ngắn hạn	1.1	1.6	1.2	1.4	1.6
Hệ số TT nhanh	0.9	1.5	1.1	1.3	1.5
Cơ cấu vốn					
Hệ số Nợ/TTS	0.0	0.1	0.1	0.1	0.1
Hệ số Nợ/VCSH	0.0	0.1	0.3	0.3	0.2
Năng lực hoạt động					
Số ngày HTK	17.5	24.9	20.7	22.2	20.4
Số ngày phải thu	3.4	3.5	2.5	2.8	3.2
Số ngày phải trả	7.7	8.5	4.8	3.5	3.8
CCC	13.3	19.8	18.4	21.5	19.8
Tỉ suất lợi nhuận					
Biên Lợi nhuận gộp	11%	12%	8%	4%	8%
Biên Lợi nhuận ròng	9%	10%	8%	5%	6%
ROE	13%	20%	11%	6%	10%
ROA	8%	13%	6%	3%	5%
Định giá					
PE	14.2	9.4	14.2	20.7	-
PB	1.8	1.8	1.6	1.2	-
Tăng trưởng					
Tăng trưởng DTT	1%	43%	-27%	-5%	23%
Tăng trưởng EBIT	-27%	60%	-51%	-60%	179%
Tăng trưởng LNNT	-15%	67%	-43%	-44%	98%
Tăng trưởng EPS	-15%	65%	-44%	-45%	75%

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, MUA chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự VND ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8&9 Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>

<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

